TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST Ngày: 22/11/2022 V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
2. Ông Bùi Đức Minh.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị N**, sinh năm 1994;

ĐKHKTT: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện tại: Công ty J, K, T, Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn N** – sinh năm 1984;

Nơi cứ trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh N, ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau***:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau đó, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật

Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Bùi Thái S - sinh ngày 25/9/2013. Hiện con S đang ở với anh N. Ly hôn, chị N đồng ý anh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày như sau***:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị N có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người có sự khác biệt về tính cách, quan điểm sống. Vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bùi Thái S - sinh ngày 25/9/2013. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác do chị Bùi Thị N hiện đang làm việc tại Nhật Bản gửi về Tòa án đều có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi anh N nhận được thông báo thụ lý vụ án đã đến Tòa án viết bản tự khai do đó, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không tham gia phiên toà theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị N có văn bản ủy quyền hợp pháp cho ông Bùi Văn T tham gia tố tụng trong phạm vi được ủy quyền được thay mặt chị N nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, thay mặt chị nhận bản án sơ thẩm. Chị N, anh N, ông T đều có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị N, anh N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về nước. Anh N đã biết việc chị N nộp đơn xin ly hôn và đồng ý ly hôn nhân chị N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N, anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy xử cho chị N được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N, anh N có một con chung là Nguyễn Bùi Thái S - sinh ngày 25/9/2013. Chị N đồng ý để anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, anh N hiện đang sinh sống và làm việc tại địa phương, có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Từ khi chị N đi lao động tại Nhật Bản, con S ở với anh N, được anh N trực tiếp chăm sóc đảm bảo việc học tập ổn định. Anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con chung. Do đó cần xử giao con S cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Bùi Thái S - sinh ngày 25/9/2013 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền thăm nom con chung. Chị N, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí**:** Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005470 ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày đều kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Duy Nhất, H. Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng